

TẶNG QUÀ VÀ TỔ CHỨC KỶ NIỆM NHỮNG SỰ KIỆN CÓ Ý NGHĨA TRONG ĐỜI SỐNG HÔN NHÂN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU MINH*
PHAN THỊ MAI HƯƠNG**

Tóm tắt: Bài viết phân tích các hình thức thể hiện tình cảm mới giữa vợ và chồng trong các gia đình Việt Nam và ảnh hưởng của các yếu tố nhân khẩu-xã hội. Kết quả cho thấy, các hình thức thể hiện tình cảm mới giữa vợ và chồng đã không còn hiếm diễn ra trong các gia đình Việt Nam, và người dân có xu hướng quan tâm hơn đến các hình thức thể hiện này. Việc tổ chức các hoạt động có quan hệ với đặc điểm của các nhóm xã hội. Các hoạt động thực hiện với phụ nữ là cao hơn so với nam giới. Tuổi trẻ, phụ nữ, học vấn cao, trình độ chuyên môn cao, sống ở đô thị, mức sống khá, theo đạo Thiên Chúa là những yếu tố làm gia tăng khả năng thể hiện tình cảm theo cách mới giữa vợ và chồng. Các hình thức thể hiện tình cảm mới này có ý nghĩa tích cực với hạnh phúc hôn nhân. Kết quả này gợi ý rằng làm phong phú đời sống vợ chồng bằng những hình thức thể hiện tình cảm mới sẽ làm cho hôn nhân hạnh phúc hơn.

Từ khóa: hôn nhân, kỷ niệm ngày lễ, gia đình Việt Nam.

Nhận bài. 7/10/2019

Gửi phản biện. 22/11/2019

Duyệt đăng. 12/12/2019

1. Bối cảnh và phương pháp nghiên cứu

Quà tặng nhau trong các lễ kỷ niệm quan trọng hay việc tổ chức kỷ niệm là một loại hành vi xã hội và mang chức năng giao tiếp, trao đổi xã hội, trao đổi kinh tế có ý nghĩa trong đời sống hôn nhân (Belk, 1979). Đó chính là cách thức nuôi dưỡng mối quan hệ xã hội và thể hiện tình cảm giữa con người với con người (Camerer, 1988). Tại Mỹ, tặng quà vào các dịp Lễ tình yêu, giáng sinh, năm mới, kỷ niệm ngày cưới, sinh nhật... được hiểu như là nghĩa vụ: nghĩa vụ tặng, nghĩa vụ nhận và nghĩa vụ "trả nợ" (Mayet và Pine, 2010). Nói cách khác, tặng quà không chỉ chịu tác động của các giá trị cá nhân, mà phản ánh các giá trị văn hóa của xã hội.

Trong đó trao đổi tình cảm giữa vợ và chồng được coi trọng hơn bất cứ mối quan hệ xã hội nào khác. Những cách thức thể hiện tình cảm và sự quan tâm giữa vợ chồng khá đa dạng. Đó là những hành vi khá truyền thống như chia sẻ công việc gia đình, chia sẻ những mối bận tâm và công việc của nhau, chăm sóc nhau khi đau ốm, thông tin cho

* Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

** Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

nhau khi đi xa hay về muộn. Và nếu như quà tặng là phương tiện trao đổi tình cảm thì các hành vi vốn đậm nét phương Tây như tặng quà vào những dịp lễ, Tết, tổ chức các ngày kỷ niệm của vợ chồng như sinh nhật hay ngày cưới, v.v. có thể cũng là cách thức thể hiện tình cảm, sự quan tâm của vợ chồng đối với nhau. Ý nghĩa của quà tặng cho bạn đời là sự đồng cảm và hiểu biết giữa hai vợ chồng, hay có thể nói, quà tặng có ý nghĩa tâm lý riêng trong quan hệ vợ chồng. Parkman (2004) cho rằng, một trong những điều thúc đẩy phụ nữ lý hôn chính là việc họ chưa nhận đủ quà tặng từ hôn nhân. Quà tặng trong hôn nhân, mang đậm sắc thái tâm lý hơn chính giá trị vật chất của nó, dù quà tặng là hoa, hay đồ trang sức.

Trong các gia đình Việt Nam, những hành vi thể hiện tình cảm vợ chồng như chăm sóc nhau khi đau ốm, thông tin cho nhau khi đi xa là khá phổ biến, còn những hình thức như tặng quà và tổ chức kỷ niệm sinh nhật, ngày lễ, Tết, thì rất hiếm khi xuất hiện trong truyền thống. Dường như sức ưu trội của tính cộng đồng/gia đình so với tính cá nhân đã khiến cho nhiều người giấu đi những mong muốn, đòi hỏi của cá nhân để ưu tiên cho các hành vi vì gia đình. Cách thức thể hiện tình cảm chủ yếu của người dân Việt Nam truyền thống vốn chuộng sự kín đáo, tránh bộc lộ cho người ngoài thấy.

Tuy nhiên, cùng với những biến đổi kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế, ý thức về cá nhân ngày càng được nâng lên. Thể hiện cụ thể nhất về điều này là việc xuất hiện các hình thức biểu hiện tình cảm mới giữa vợ và chồng như tặng quà ngày sinh nhật, tổ chức ngày kỷ niệm lễ, Tết. Một số nghiên cứu về quan hệ hôn nhân ở Việt Nam đã chỉ ra rằng, có một tỷ lệ không nhỏ các gia đình đã tổ chức kỷ niệm các ngày nêu trên hay tặng quà cho người vợ/chồng của mình (Lê Ngọc Văn, 2011; Nguyễn Hữu Minh, 2014).

Nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh tại Nghệ An và Hà Tĩnh (2014) còn chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố giới tính, nhóm tuổi, học vấn, mức sống, khu vực ở với các hình thức thể hiện tình cảm giữa vợ và chồng. Nhìn chung, nam giới có các hình thức thể hiện tình cảm nêu trên nhiều hơn so với nữ. Những người trẻ tuổi, có học vấn cao, sống ở đô thị thì mức độ thể hiện tình cảm trong quan hệ vợ chồng cũng rõ rệt hơn. Những người có mức sống khá có khả năng cao hơn thể hiện tình cảm qua các dịp kỷ niệm cao hơn người có mức sống thấp. Những người theo đạo Thiên Chúa gần gũi hơn với các hình thức thể hiện tình cảm trong quan hệ vợ chồng nêu trên thông qua các bài học về giáo lý nên có nhiều khả năng thể hiện các hành vi đó hơn những người không theo đạo Thiên Chúa. Nói cách khác, kết quả nghiên cứu ở Nghệ An và Hà Tĩnh năm 2014 đã xác nhận các giả thuyết về vai trò của các yếu tố hiện đại hoá đối với sự thay đổi hệ giá trị truyền thống trong bối cảnh mới của sự phát triển kinh tế và công nghệ (Goode, 1982; Inglehart và Welzel, 2009) cũng như ảnh hưởng của yếu tố kinh tế và văn hoá đến việc hình thành các ứng xử mới của vợ và chồng. Tuy nhiên, do khảo sát thực hiện tại chỉ 2 tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, với dung lượng mẫu khảo sát ở mức trung bình (605 đại diện hộ gia đình ở 6 phường/xã thuộc hai tỉnh) nên vai trò của các yếu tố này đối với những hình thức thể hiện tình cảm giữa vợ và chồng cần được kiểm chứng ở quy mô lớn hơn.

Sử dụng số liệu cuộc khảo sát của đề tài “Những đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và các yếu tố ảnh hưởng” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện năm 2017, Nguyễn Hữu Minh là chủ nhiệm đề tài, bài viết tập trung đánh giá việc tặng quà và tổ chức kỷ niệm ngày có ý nghĩa trong mối quan hệ vợ chồng qua việc tổ chức sinh nhật, tặng quà dịp lễ, Tết và các yếu tố tác động đến khả năng tổ chức các hình thức đó.

Mẫu định lượng trong nghiên cứu này bao gồm 1.819 phỏng vấn bằng bảng hỏi tại các địa phương thuộc 7 tỉnh/thành phố ở Việt Nam¹. Phân tích số liệu về tương quan hai biến giữa mức độ thực hiện các hình thức thể hiện tình cảm mới và các yếu tố nhân khẩu-xã hội cũng như sử dụng mô hình đa biến nhằm xác định cụ thể vai trò của từng yếu tố đối với việc xuất hiện các hình thức thể hiện tình cảm khi giữ nguyên các yếu tố khác đã được thực hiện.

2. Những dịp tặng quà và tổ chức kỷ niệm của hai vợ chồng

Bốn dịp kỷ niệm phổ biến ở mỗi cặp vợ chồng được phân tích trong bài viết này là ngày sinh nhật của vợ/ chồng và những ngày lễ tết. Số liệu trên Bảng 1 cho thấy tỷ lệ tổ chức các hoạt động kỷ niệm trong 12 tháng trước cuộc khảo sát và 5 năm trước.

Kết quả thu được cho thấy, trong số các hình thức tổ chức sự kiện thì việc tặng quà hay làm việc gì đó có ý nghĩa cho vợ vào dịp lễ, Tết là được nhiều người thực hiện nhất (chiếm 44,5%), trong khi đó thì việc tặng quà cho chồng vào dịp sinh nhật được ít người thực hiện nhất (32,5%). Ngoài ra, tương tự như kết quả các nghiên cứu trước đây (Lê Ngọc Văn, 2010; Nguyễn Hữu Minh, 2014), có sự khác biệt giới trong việc tổ chức các kỷ niệm, tặng quà, các hình thức tổ chức cho người vợ được quan tâm hơn người chồng. Nhiều người phụ nữ có mong muốn được chồng thể hiện tình cảm một cách cụ thể thông qua các hình thức tặng quà, tổ chức kỷ niệm. Nam giới cũng ý thức rõ hơn về việc tặng quà, tổ chức kỷ niệm cho vợ, coi đó là một điều nên làm để nuôi dưỡng hạnh phúc gia đình, v.v.

Kết quả phân tích cũng cho thấy, nhìn chung có một xu hướng tăng lên trong 5 năm qua về tỷ lệ tổ chức các hoạt động kỷ niệm tuy rằng chênh lệch không nhiều. Qua 5 năm, chênh lệch điểm phần trăm về thực hiện các hoạt động kỷ niệm dao động từ 2,4 đến 4,0. Xu hướng tăng lên các hình thức tổ chức kỷ niệm có thể gắn liền với những biến đổi kinh tế-xã hội nói chung.

Bảng 1. Tỷ lệ tặng quà và tổ chức các ngày kỷ niệm

Các ngày kỷ niệm	12 tháng trước khảo sát		5 năm trước	
	Tỷ lệ %	N	Tỷ lệ %	N
a. Ngày sinh nhật vợ	34,4	1798	32,0	1652
b. Ngày sinh nhật chồng	32,5	1798	29,6	1655
c. Các ngày lễ, ngày Tết - cho vợ	44,5	1802	40,5	1655
d. Các ngày lễ, ngày Tết - cho chồng	37,3	1797	33,8	1653

Nguồn: Số liệu khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới năm 2017.

¹ Bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Yên Bái, Nam Định, Thừa Thiên-Huế, Đắk Lắk.

3. Tặng quà và tổ chức kỷ niệm ngày sinh nhật của hai vợ chồng

Tặng quà và tổ chức kỷ niệm ngày sinh nhật không phải là một phong tục truyền thống ở Việt Nam. Trước đây, kỷ niệm sinh nhật thường chỉ áp dụng đối với người cao tuổi (thượng thọ, đại thọ) và trẻ em (thường chỉ độ tuổi 1 tuổi trở xuống - đầy năm hay đầy tháng). Hiện nay, việc kỷ niệm sinh nhật đã mở rộng đến các trẻ em lớn hơn (tổ chức ở gia đình) và thanh niên chưa xây dựng gia đình (tổ chức theo bạn bè), và một bộ phận những người đã xây dựng gia đình. Số liệu khảo sát năm 2017 cho thấy, tính chung có 34,4% gia đình có tổ chức sinh nhật cho người vợ và 32,5% có tổ chức sinh nhật cho người chồng. Tỷ lệ này có khác biệt theo các nhóm nhân khẩu-xã hội khác nhau, tuy nhiên xu hướng chung thì đồng nhất giữa kỷ niệm ngày sinh nhật người vợ hay người chồng.

Bảng 2. Sự khác biệt trong tặng quà và tổ chức ngày sinh nhật theo đặc điểm nhân khẩu-xã hội

Đặc điểm nhân khẩu-xã hội	Ngày sinh nhật vợ				Ngày sinh nhật chồng			
	%	N	Tỷ số chênh	N	%	N	Tỷ số chênh	N
Tuổi người vợ/chồng	***				***			
29 trở xuống	61,2	103	6,98***	101	53,7	216	5,61***	216
30-39	47,2	464	2,61***	445	41,7	523	2,84***	519
40-49	29,1	501	1,39	491	26,5	483	1,67	481
50-59	26,9	495	0,99	485	23,0	431	1,24	427
60-71	24,6	232	1,00	229	16,8	143	1,00	141
Học vấn vợ/chồng	***				***			
Tiểu học trở xuống	7,6	331	0,14***	326	7,5	438	0,12***	432
Trung học cơ sở	20,8	665	0,38***	661	21,3	644	0,32***	642
Trung học phổ thông	47,8	473	0,80	469	48,3	410	0,67	409
Cao đẳng, đại học	71,2	319	1,00	295	71,9	302	1,00	301
Nghề nghiệp chính vợ/chồng	***				***			
Cao cấp, trung cấp	76,8	228	3,0***	228	75,1	189	2,0**	189
Sơ cấp, nhân viên kỹ thuật	46,4	431	1,65**	430	48,1	343	1,41*	342
Không làm việc	32,1	109	1,18	107	34,4	262	1,14	259
Lao động giản đơn	18,8	1000	1,00	986	18,5	1001	1,00	994
Tôn giáo người trả lời	***				***			
Không tôn giáo	37,8	1171	1,02	1141	36,1	1172	1,16	1164
Phật giáo	29,9	354	0,71	345	27,8	353	0,83	353
Thiên chúa giáo	25,7	268	1,00	265	23,5	268	1,00	267
Mức sống người trả lời	***				***			
Khá	47,9	280	2,50**	270	45,0	280	2,13**	278
Trung bình	34,6	1335	1,83*	1303	32,6	1334	1,57	1324
Nghèo	12,6	183	1,00	178	13,0	184	1,00	182
Nơi sống người trả lời	***				***			
Nông thôn	18,1	1005	0,25***	989	17,0	1006	0,25***	999
Đô thị	55,1	793	1,00	762	52,3	792	1,00	785
-2 Log Likelihood					1615,6			
Nagelkerke R Square					0,42			
N					1751			
					1637,39			
					0,41			
					1784			

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Nguồn: Số liệu khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới năm 2017.

Bảng 2 trình bày tỷ lệ gia đình tặng quà và tổ chức ngày sinh nhật cho người vợ/chồng phân theo các đặc điểm của người vợ/chồng (cột 1-2 và 5-6) và kết quả phân tích đa biến về tác động của các yếu tố (cột 3-4 và 7-8). Đối với việc tổ chức ngày sinh nhật cho người vợ/chồng, đặc điểm nhân khẩu-xã hội của người bạn đời sẽ được sử dụng để so sánh, chẳng hạn, tổ chức ngày sinh nhật cho người vợ thì đặc điểm là của người chồng. Duy có yếu tố tôn giáo thì sẽ sử dụng đặc điểm người trả lời do tính chất tương đồng tôn giáo, hầu như các cặp đều cùng tôn giáo với nhau. Để kiểm tra tác động riêng của mỗi yếu tố đến việc tổ chức ngày sinh nhật cho người vợ/chồng, mô hình đa biến logistic được sử dụng với biến số phụ thuộc là Tổ chức kỷ niệm (có 2 giá trị: 1: Thực hiện; 0: Không thực hiện). Tỷ số chênh thể hiện mức chênh lệch xác suất thực hiện tổ chức kỷ niệm giữa một nhóm nào đó với nhóm so sánh.

Trước hết xét về yếu tố tuổi, phân tích hai biến cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa tỷ lệ gia đình có tổ chức sinh nhật cho người vợ hay người chồng ở các nhóm tuổi khác nhau. Nhóm tuổi từ 29 trở xuống có tỷ lệ tổ chức rất cao, đặc biệt tổ chức cho người vợ (hơn 60%), nhóm 30-39 ở mức trung gian (hơn 40%) và hai nhóm này cao hơn nhiều so với tỷ lệ có tổ chức sinh nhật ở các nhóm tuổi từ 40 trở lên. Kết quả phân tích đa biến tiếp tục xác nhận vai trò của yếu tố tuổi. Các nhóm tuổi từ 39 trở xuống có xác suất tổ chức kỷ niệm sinh nhật cao hơn đáng kể so với nhóm tuổi lớn hơn, đặc biệt là khi so với nhóm 60 tuổi trở lên. Cụ thể, xác suất tổ chức sinh nhật cho người vợ của nhóm người chồng tuổi 29 trở xuống cao hơn chỉ báo tương ứng của nhóm 50 tuổi trở lên là 7 lần, còn xác suất tổ chức sinh nhật cho người chồng của nhóm người vợ tuổi 29 trở xuống cũng cao gấp khoảng 6 lần.

Sự khác biệt giữa các nhóm học vấn rất rõ ràng. Chênh lệch về tỷ lệ tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng giữa các nhóm lên đến hơn 20 điểm phần trăm, chẳng hạn giữa nhóm trung học cơ sở với trung học phổ thông và trung học phổ thông với cao đẳng-đại học. Sau khi phân tích tác động của yếu tố học vấn với điều kiện giữ các yếu tố khác không đổi thì những khác biệt giữa các nhóm học vấn về việc tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng vẫn giữ nguyên. Các nhóm học vấn có sự phân biệt rõ rệt giữa hai nhóm, từ trung học cơ sở trở xuống và từ trung học phổ thông trở lên, mặc dù nhìn chung vẫn có một xu hướng tăng dần khả năng tổ chức ngày sinh nhật cho người vợ/chồng qua mỗi bậc học vấn. Xác suất để nhóm có học vấn cao đẳng-đại học tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng cao gấp khoảng 3 lần so với nhóm học vấn trung học cơ sở và khoảng 7 lần so với nhóm tiểu học trở xuống.

Tỷ lệ tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng ở nhóm việc làm với *trình độ cao cấp hoặc trung cấp* cao hơn ở nhóm *sơ cấp hoặc nhân viên kỹ thuật* khoảng gần 30 điểm phần trăm và chênh lệch giữa nhóm *sơ cấp hoặc nhân viên kỹ thuật* với nhóm *lao động giản đơn* cũng gần 30 điểm phần trăm. Ba nhóm nghề nghiệp này trong thực tế có điều kiện làm việc và lối sống khác nhau, nhóm cao cấp hoặc trung cấp phần lớn là làm việc văn phòng, nhóm sơ cấp hoặc nhân viên kỹ thuật cũng tương tự, trong khi đó nhóm lao động giản đơn chủ yếu làm việc chân tay. Đặc thù nghề nghiệp như vậy dễ tạo nên lối sống khác nhau. Có thể nói rằng, nhóm người làm công việc với trình độ cao có lối sống tiếp

cận gần hơn với những hình thức ứng xử giữa vợ và chồng ở các nước phát triển và điều kiện công việc của họ cũng tạo thuận lợi cho việc thực hiện các hình thức thể hiện đó.

Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy khi giữ các yếu tố khác không đổi thì xác suất tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng của các nhóm việc làm vẫn có xu hướng tăng dần theo trình độ chuyên môn. Những người chồng làm công việc với trình độ cao cấp hoặc trung cấp có xác suất tổ chức sinh nhật cho người vợ gấp 3 lần so với những người chồng làm lao động giản đơn, và những người chồng làm việc có trình độ sơ cấp hay nhân viên kỹ thuật có xác suất tổ chức sinh nhật cho người vợ gấp gần 2 lần so với những người chồng làm lao động giản đơn. Mức độ chênh lệch về xác suất tổ chức sinh nhật cho người chồng giữa các nhóm việc làm thấp hơn so với tổ chức sinh nhật cho người vợ nhưng vẫn khác nhau một cách đáng kể. Cụ thể, nhóm người vợ có trình độ cao cấp hoặc trung cấp có xác suất tổ chức sinh nhật cho người chồng cao gấp 2 lần và người vợ có trình độ sơ cấp hoặc nhân viên kỹ thuật có xác suất tổ chức sinh nhật cho người chồng cao gấp rưỡi so với nhóm người vợ lao động giản đơn.

Về yếu tố tôn giáo, sự khác biệt thể hiện rõ nét giữa nhóm không theo tôn giáo và nhóm theo tôn giáo. Xu hướng bộc lộ ở Bảng 2 khi phân tích quan hệ giữa yếu tố tôn giáo và tổ chức sinh nhật là người không theo tôn giáo có tỷ lệ tổ chức sinh nhật cao hơn so với nhóm theo Phật giáo và theo Thiên Chúa giáo. Tuy nhiên, khi đưa tất cả các yếu tố vào mô hình phân tích đa biến thì không thấy sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm tôn giáo/không tôn giáo về xác suất tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng. Kết quả này trùng hợp với phát hiện ở khảo sát Nghệ An và Hà Tĩnh năm 2014 (Nguyễn Hữu Minh, 2014). Sờ dĩ có sự khác biệt giữa kết quả phân tích hai biến và đa biến có thể là do tác động đồng thời của các đặc điểm gắn với nhóm không theo tôn giáo, đó là học vấn cao hơn, sống ở khu vực đô thị.

Yếu tố kinh tế (“phú quý sinh lễ nghĩa”) được đo qua biến số mức sống cũng thể hiện vai trò khá rõ nét. Phù hợp với những phát hiện trước đây, nhóm người có mức sống khá trở lên có tỷ lệ tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng cao hơn rõ rệt nhóm người có mức sống trung bình, và đặc biệt là cao hơn nhiều so với nhóm nghèo. Kết quả phân tích đa biến xác nhận sự khác biệt giữa các nhóm mức sống về khả năng tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng. Xác suất tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng của những người có mức sống khá là cao hơn so với nhóm nghèo là khoảng 2,5 lần (tổ chức sinh nhật cho người vợ) và 2,1 lần (tổ chức sinh nhật cho người chồng). Những người có mức sống trung bình cũng nhiều khả năng tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng hơn nhóm nghèo.

Khi những yếu tố khác không đổi, nhóm người sống ở khu vực đô thị có xu hướng tổ chức ngày sinh nhật cho người vợ/chồng cao gấp 4 lần so với những người sống ở nông thôn. Kết quả này góp phần xác nhận những giả thuyết rút ra từ lý thuyết hiện đại hóa về vai trò của các yếu tố hiện đại hóa đối với sự biến đổi hệ giá trị gia đình.

Tóm lại, việc phân tích ảnh hưởng của các đặc trưng nhân khẩu-xã hội đến việc tổ chức và tặng quà nhân sinh nhật của người vợ/chồng cho thấy các nhóm tuổi trẻ, học vấn cao, trình độ chuyên môn cao, mức sống cao và ở khu vực đô thị có mức độ tổ chức kỷ niệm và tặng quà cao hơn so với các nhóm so sánh. Tuy nhiên, không có sự

khác biệt đáng kể giữa nhóm Thiên Chúa giáo với các nhóm Phật giáo và không tôn giáo về vấn đề này.

4. Tặng quà cho vợ/chồng nhân dịp lễ, Tết

Tặng quà cho vợ/chồng nhân dịp lễ, Tết cũng là một hình thức thể hiện tình cảm mới giữa vợ và chồng ở Việt Nam. Trước đây vào dịp Tết ở Việt Nam thường có phong tục lì xì nhưng chủ yếu áp dụng đối với các cụ già và em nhỏ. Những năm gần đây đối tượng áp dụng có mở rộng hơn, chẳng hạn đối với các thiếu niên đang còn đi học phổ thông. Tuy nhiên đối với các ngày lễ khác thì trong truyền thống hình thức tặng quà ít được áp dụng. Mấy thập niên qua, cùng với những biến đổi về kinh tế-xã hội, sự hội nhập về văn hóa của thế giới vào Việt Nam đã làm xuất hiện thêm nhiều ngày lễ mới như ngày Phụ nữ quốc tế 8-3, Phụ nữ Việt Nam 20-10, Thiếu nhi Quốc tế 1-6, Nhà giáo Việt Nam 20-11, Thầy thuốc Việt Nam 27-2, v.v. Một số ngày lễ tôn giáo như Thiên Chúa giáng sinh, Phật Đản cũng có sự ảnh hưởng lớn hơn trong cộng đồng dân cư. Đời sống các gia đình ngày càng được nâng lên đã tạo điều kiện để mọi người áp dụng những tục lệ mới của thế giới trong việc tặng quà, coi đó như một cách biểu hiện tình cảm đối với bạn đời của mình. Như đã nêu ở trên, việc tặng quà hay làm một việc gì đó có ý nghĩa trong những ngày lễ, Tết thích hợp đối với vợ/chồng đã được một tỷ lệ không nhỏ các gia đình tham gia, đặc biệt là tặng quà hay làm việc có ý nghĩa đối với người vợ (44,5% các gia đình thực hiện).

Khi so sánh giữa các nhóm nghề nghiệp với trình độ chuyên môn khác nhau có thể thấy sự khác biệt đáng kể giữa nhóm có trình độ cao cấp hoặc trung cấp với các nhóm còn lại. Phân tích đa biến cũng khẳng định vai trò của yếu tố trình độ chuyên môn cao cấp hoặc trung cấp đối với việc làm tăng khả năng tặng quà người vợ/chồng dịp lễ, Tết. Đặc thù nghề nghiệp và lối sống đã tạo ra sự khác biệt đó.

Sự khác biệt giữa nhóm Thiên Chúa giáo, Phật giáo và không tôn giáo trong việc tặng quà cho người vợ/chồng không thể hiện rõ khi thực hiện phân tích đa biến. Kết quả này khác với phát hiện ở Khảo sát Nghệ An và Hà Tĩnh 2014 rằng người theo Thiên Chúa giáo có xác suất tặng quà cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết cao hơn đáng kể so với người không theo Thiên Chúa giáo. Chuẩn mực mạnh mẽ về tôn giáo ở xứ đạo tập trung (ở khảo sát Nghệ An và Hà Tĩnh) có thể là chất xúc tác để làm tăng thêm ảnh hưởng của yếu tố này đối với mức độ tặng quà bạn đời. Tỷ lệ tặng quà cao hơn ở nhóm không tôn giáo so với hai nhóm tôn giáo ở phân tích hai biến có thể là do tác động của các yếu tố khác như học vấn, nghề nghiệp tạo nên.

Việc tặng quà cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết có liên hệ chặt chẽ với mức sống của người trả lời. Những người có mức sống cao hơn thì có xu hướng tặng quà cao hơn. Những người có mức sống khá có khả năng tặng quà cho vợ/chồng cao gấp 4 đến 5 lần so với người nghèo và người có mức sống trung bình cũng có khả năng tặng quà cho vợ/chồng gấp gần 3 lần so với nhóm người nghèo. Trong thực tế, tuy những món quà vào dịp này không phải lúc nào cũng tiêu tốn nhiều tiền nhưng cũng đòi hỏi một chi phí nhất định, ngoài ra còn phải dành thời gian và công sức tìm kiếm những món quà thích hợp. Vì vậy, gia đình có điều kiện kinh tế hơn cũng đồng nghĩa với họ có nhiều thời gian hơn để dành cho những hoạt động này.

Tỷ lệ có tặng quà cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết ở nhóm người sống ở khu vực đô thị cao hơn khoảng 25 điểm phần trăm so với ở nông thôn. Kết quả phân tích đa biến cũng cho thấy người dân ở đô thị có khả năng tặng quà cho người vợ/chồng gấp 2 lần so với người dân ở nông thôn. Lối sống đô thị quan tâm đến những hình thức thể hiện tình cảm với vợ/chồng là yếu tố chính tạo ra sự khác biệt này.

Bảng 3. Sự khác biệt trong tặng quà dịp lễ, Tết theo đặc điểm nhân khẩu-xã hội

Đặc điểm nhân khẩu-xã hội	Tặng quà cho vợ				Tặng quà cho chồng			
	%	N	Tỷ số chênh	N	%	N	Tỷ số chênh	N
Tuổi người vợ/chồng	***				***			
29 trở xuống	67,0	103	4,75***	101	52,3	216	2,87***	216
30-39	54,0	465	2,14***	446	43,9	522	1,95**	518
40-49	41,2	502	1,63*	492	34,5	484	1,58	482
50-59	40,6	497	1,47*	487	29,8	430	1,19	426
60-71	30,6	232	1,00	229	23,1	143	1,00	141
Học vấn người vợ/chồng	***				***			
Tiểu học trở xuống	22,6	332	0,29***	327	17,3	440	0,28***	434
Trung học cơ sở	35,1	667	0,44***	663	29,0	642	0,42***	640
Trung học phổ thông	52,5	474	0,66*	470	49,5	410	0,73	409
Cao đẳng-Đại học	75,2	319	1,00	295	67,4	301	1,00	300
Nghề nghiệp chính vợ/chồng	***				***			
Cao cấp, Trung cấp	79,4	228	2,27**	228	70,7	188	1,56*	188
Sơ cấp, Nhân viên KT	51,0	331	1,19	430	48,2	342	1,10	341
Không làm việc	35,8	109	0,91	107	35,5	262	0,88	259
Lao động giản đơn	33,7	1004	1,00	990	27,5	1002	1,00	995
Tôn giáo người trả lời	***				*			
Không tôn giáo	48,0	1173	0,93	1143	39,6	1170	0,87	1162
Phật giáo	36,1	355	0,61*	346	32,8	354	0,74	354
Thiên chúa giáo	40,1	269	1,00	266	33,6	268	1,00	267
Mức sống người trả lời	***				***			
Khá	61,2	281	4,43***	271	55,4	278	5,25***	276
Trung bình	44,7	1337	2,67***	1305	37,0	1335	2,82***	1325
Nghèo	16,8	184	1,00	179	12,0	184	1,00	182
Nơi sống người trả lời	***				***			
Nông thôn	34,5	1008	0,58***	992	26,5	1005	0,48***	998
Đô thị	57,1	794	1,00	763	51,0	792	1,00	785
-2 Log likelihood					2064,35			
Nagelkerke R Square					0,24			
N					1755			
					2006,50			
					0,24			
					1783			

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

Nguồn: Số liệu khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới năm 2017.

Như vậy, kết quả phân tích ảnh hưởng của các đặc trưng nhân khẩu-xã hội đến việc tổ chức và tặng quà người vợ/chồng nhân dịp lễ, Tết cho thấy một xu hướng tương tự như ở các trường hợp tặng quà nhân dịp sinh nhật. Các nhóm tuổi trẻ, học vấn cao, trình độ chuyên môn cao, mức sống cao và ở khu vực đô thị thể hiện việc tặng quà ở mức độ cao

hơn so với các nhóm so sánh. Đồng thời, không có sự khác biệt đáng kể giữa nhóm Thiên Chúa giáo với các nhóm Phật giáo và không tôn giáo về vấn đề này.

5. Kết luận

Nhìn chung một số hình thức thể hiện tình cảm giữa vợ và chồng như tổ chức sinh nhật cho người vợ/chồng và tặng quà cho vợ/chồng nhân ngày lễ, Tết đã không còn hiếm diễn ra trong các gia đình Việt Nam. Việc so sánh mức độ thực hiện các hình thức này giữa các cuộc khảo sát có thể khập khiễng vì quy mô khảo sát là khác nhau, tuy nhiên, nếu so sánh theo thời gian của các cuộc khảo sát, về cơ bản có thể nhận xét rằng các gia đình có xu hướng quan tâm hơn đến các hình thức thể hiện tình cảm này so với những năm trước đây (Lê Ngọc Văn, 2011; Lê Ngọc Văn, 2012; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2011; Nguyễn Hữu Minh, 2014).

Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy, đa phần người dân chưa thực hiện các hình thức thể hiện tình cảm này. Với nhiều người, đây vẫn là hình thức thể hiện tình cảm “nhập ngoại”, người Việt Nam không nhất thiết phải áp dụng mà tình cảm vợ chồng vẫn gắn bó với nhau. Đối với một bộ phận khá lớn những người khác, những hạn hẹp về điều kiện kinh tế đã khiến cho họ không thể tổ chức các hoạt động này.

Những lý do này có liên quan chặt chẽ với đặc điểm của các nhóm xã hội. Tỷ lệ người chồng thực hiện tổ chức sinh nhật, tặng quà cho vợ là cao hơn so với phụ nữ tổ chức cho chồng. Các thảo luận với người dân cũng cho thấy rõ trong suy nghĩ của cả nam giới và phụ nữ rằng phụ nữ mong muốn những hình thức chăm sóc cụ thể như vậy. Các yếu tố nhóm tuổi, học vấn, trình độ chuyên môn, khu vực ở có tác động mạnh tới khả năng có các hình thức thể hiện tình cảm giữa vợ và chồng. Nhìn chung, những người nam giới có mức độ thể hiện tình cảm theo hình thức mới cao hơn so với nữ. Những người trẻ tuổi, có học vấn cao, có trình độ chuyên môn nghề nghiệp cao hơn, sống ở đô thị thì khả năng thể hiện tình cảm theo cách mới trong quan hệ vợ chồng cao hơn. Điều đó cho thấy vai trò quan trọng của các yếu tố đặc trưng cho hiện đại hoá.

Ngoài ra, yếu tố kinh tế cũng có tác động mạnh đến các hình thức thể hiện tình cảm mới trong quan hệ vợ chồng. Những người có mức sống khá có mức độ thực hiện tổ chức sinh nhật, tặng quà nhân dịp lễ, Tết nhiều hơn vì thông thường các hoạt động đó đòi hỏi thời gian, công sức và tiền bạc. Các cụ thường nói “phú quý sinh lễ nghĩa”, cuộc sống vật chất đầy đủ tạo ra đòi hỏi về những hình thức thể hiện tình cảm mới và cung cấp đủ điều kiện để thực hiện các ứng xử mới đó. Điều này càng được thể hiện rõ khi những người nêu lý do không tổ chức là do kinh tế khó khăn.

Như vậy, về cơ bản kết quả phân tích vai trò của các yếu tố hiện đại hóa và kinh tế đối với các hình thức thể hiện tình cảm nêu trên là tương đồng với những phát hiện trong các cuộc nghiên cứu trước đây và phù hợp với những dự báo rút ra từ lý thuyết hiện đại hóa (Goode, 1982; Inglehart và Welzel, 2009; Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2011; Nguyễn Hữu Minh, 2014).

Từ chiều cạnh văn hóa, những người theo đạo Thiên Chúa không thể hiện các hành vi tình cảm ở mức độ nhiều hơn so với những người không theo đạo Thiên Chúa. Kết quả

này không xác nhận hoàn toàn phát hiện ở Khảo sát Nghệ An và Hà Tĩnh 2014. Như đã nêu ở trên, có thể mức độ tập trung người theo Thiên Chúa giáo ở khảo sát Nghệ An và Hà Tĩnh đã làm tăng thêm ảnh hưởng của yếu tố tôn giáo đối với mức độ tặng quà bạn đời nhân dịp lễ, Tết.

Các hình thức mới thể hiện sự quan tâm giữa vợ và chồng, này sinh và biến đổi dưới tác động của nhiều yếu tố kinh tế-xã hội và văn hóa. Với sự hội nhập văn hóa, người dân đã quen hơn với các cách thể hiện tình cảm mới, đồng thời, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng tăng cũng giúp họ có điều kiện thuận lợi hơn thực hiện những ý tưởng mới trong thể hiện tình cảm với vợ/chồng. Ảnh hưởng đồng thời của các yếu tố này sẽ giúp cho hình thức thể hiện tình cảm mới ngày càng lan tỏa rộng hơn trong cộng đồng.

Các kết quả trên cũng cho thấy việc tiếp nhận các hình thức thể hiện tình cảm mới sẽ tùy thuộc rất nhiều vào bối cảnh kinh tế-xã hội và đặc điểm riêng của nhóm người dân. Mức độ tiếp nhận các hình thức ứng xử mới không thể hiện một cách tuyến tính theo sự biến đổi của các yếu tố hiện đại hóa mà còn tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế-xã hội, bởi lẽ ứng xử trong quan hệ vợ chồng cũng có tính tương đối văn hóa. Những người sống ở khu vực nông thôn cho dù có trình độ học vấn cao nhưng mối quan hệ gia đình của họ vẫn chịu tác động bởi chuẩn mực chung của cộng đồng, do đó việc thực hành các ứng xử mới ở nông thôn được chờ đợi là chậm hơn ở khu vực đô thị. Chẳng hạn, phong tục Việt Nam truyền thống chú ý đến kỷ niệm ngày mất (giỗ) hơn là ngày sinh. Ý nghĩa của ngày giỗ là để nhắc nhở con cháu về những người đã đi trước, tương như đến những người đã qua đời, đồng thời gắn kết tình cảm của các thành viên trong cùng một gia đình. Do đó, việc tổ chức sinh nhật cho người lớn được coi là tiếp nhận từ bên ngoài, trong khu vực nông thôn đây là các hình thức vượt ra khỏi chuẩn mực cộng đồng, và tỷ lệ thực hành ứng xử này sẽ thấp hơn so với khu vực đô thị.

Kết quả phân tích cũng gợi ra rằng có một xu hướng tăng lên việc thực hiện các cách thể hiện tình cảm mới trong quan hệ vợ chồng theo thời gian không phụ thuộc vào những đặc điểm cá nhân và gia đình và cộng đồng nêu trên. Cách thể hiện tình cảm giữa vợ và chồng ngày càng cởi mở hơn, thể hiện được cái "tôi" nhiều hơn.

Tài liệu tham khảo

- Beatty S.E., Kahle L.R., Homer P. 1991. Gift-giving behavior: A study across cultures. *Journal of Business Research*, 22, 149-157.
- Belk, R.W. 1979. Gift-giving behaviour. In: Sheth, J. (Ed.), *Research in Marketing*, vol. 2. JAI Press, Greenwich, CT, pp. 95126.
- Camerer, C. 1988. Gifts as Economic Signals and Social Symbols. *American Journal of Sociology*, 94 (suppl.), S 180-S214.
- Freedman, Ronald, Arland Thornton và Li-Shou Yang. 1994. Determinants of co-residence in extended households. In *Social change and the family in Taiwan*, edited by Arland Thornton and Hui-Sheng Lin, 335-58. Chicago: University of Chicago Press.
- Goode, William J. 1982. *The family*. Second Edition. Foundations of Modern Sociology Series. Englewood Cliffs: Prentice-Hall.

- Hirschman, Charles. 1985. Premarital socioeconomic roles and the timing of family formation: A comparative study of five Asian societies. *Demography* 22 (1): 35-59.
- Inglehart and Welzel. 2009. Development and Democracy: What We Know about Modernization Today. *Foreign Affairs*, March, 2009.
- Larson, D., & Watson, J. 2001. A Guide Map to the Terrain of Gift Value. *Psychology and Marketing*, 18 (August), 889-906.
- Lê Ngọc Văn. 2011. *Gia đình và Biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Lê Ngọc Văn. 2012. Báo cáo đề tài cấp Bộ "Mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay và căn cứ để củng cố mối quan hệ này trong giai đoạn 2011-2020".
- Mayet, C. & Pine, K. J. 2010. The Psychology of Gift Exchange. University of Hertfordshire Internal Report. <http://karenpine.com/wp-content/uploads/2011/07/The-Psychology-of-Gift-Exchange.pdf>
- Nguyễn Hữu Minh. 2014. Một số ứng xử mới về sự quan tâm giữa vợ và chồng ở gia đình Bắc Trung bộ và các yếu tố tác động. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Quyển 24, số 4, tr. 94-107.
- Nguyễn Hữu Minh. 2009. Sống chung với gia đình chồng sau khi kết hôn ở nông thôn Việt Nam và các yếu tố tác động. *Tạp chí Xã hội học*, Số 4(108): tr. 3-15.
- Parkman A.M. 2004. The importance of gift in marriage. *Economic Inquiry*, 42(3):483-495.
- Qian, W., Abdur Razzaque, M. and Ah Keng, K. 2007. Chinese cultural values and gift-giving behavior. *Journal of Consumer Marketing*, 24(4):214-228.
- Trần Thị Minh Thi. 2014. *Divorce in Contemporary Viet Nam: A Socio-economic and structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s*. Social Sciences Publishing House.
- Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. 2011. Số liệu Điều tra Nhận thức và Thái độ về gia đình của người dân Hà Nội. Tác giả tự tính toán.